

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ - ST

Ngày 14 - 9 - 2021

V/ v tranh chấp Hôn nhân
và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Đình Chúc;

Ông Trần Công Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 11
năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án
ra xét xử số 09/2021/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương
sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị P, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ hiện nay: No 317, Shiliu Road, LiuTrung District, Douliu City,
Yunlin Country, Taiwan; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2020 và những lời khai tiếp theo
nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn Đ kết hôn ngày
03/3/2012 tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn chị và anh
Đ ở cùng nhà với bố, mẹ đẻ anh Đ là ông D, bà V. Đầu năm 2013 anh Đ đi bộ
đội, cuối năm 2013 anh Đ xuất ngũ về địa phương. Đầu năm 2015 cả chị và anh
Đ đều đi xuất khẩu lao động, chị đi Nhật Bản, còn anh Đ đi Đài Loan. Cuối năm

2016 thì chị về nước và ở chung cùng bố, mẹ chồng. Đến đầu năm 2019 chị về nhà bố, mẹ đẻ ở cho đến nay. Trong quá trình đi xuất khẩu lao động cho đến nay anh Đ có về Việt Nam 02 lần là vào năm 2017 và 2019 (anh Đ về phép, mỗi lần 20 ngày).

Vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau. Do xa cách về địa lý, chị và anh Đ ít liên lạc, ít chia sẻ nên tình cảm phai nhạt dần và đến nay cả hai đều xác định tình cảm không còn nữa, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn Đ có 01 con chung là cháu Trần Ánh D1, sinh ngày 25/01/2013, hiện cháu D1 đang sinh sống cùng bố mẹ anh Đ là ông Trần Văn D và bà Đỗ Thị V ở thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu D1 và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị làm công nhân ở Công ty J ở khu công nghiệp K, V, hiện nay chị đã chuyển sang làm ở Công ty TNHH A ở khu công nghiệp B, B. Thu nhập trung bình từ 08 triệu đến 09 triệu/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Hiện nay chị đang ở nhà bố, mẹ đẻ là ông Trần Thế H và bà Nguyễn Thị S ở thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Về tài sản chung, riêng, các vấn đề liên quan đến tài sản: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn Đ trình bày:

Anh và chị Trần Thị P tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn thời gian đầu anh và chị P chung sống hạnh phúc. Sau đó chị P đi xuất khẩu lao động tại Nhật bản, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và hiện anh đang ở Đài Loan. Thời gian anh đi lao động ở nước ngoài thì vợ chồng mâu thuẫn. Anh và chị P đã nói chuyện với nhau và xác định không còn tình cảm, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn theo đơn ly hôn của chị P.

Về con chung: Anh và chị P có 01 con chung là cháu Trần Ánh D1, sinh ngày 25/01/2013, hiện cháu D1 đang sinh sống cùng bố, mẹ anh. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cháu D1 và anh không yêu cầu chị P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh có thu nhập 30 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, riêng, các vấn đề liên quan đến tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đang sinh sống tại Đài Loan không về nước để tham gia tố tụng được nên ngày 16/3/2021 anh Đ có đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh

Phúc giải quyết, xét xử vắng mặt anh (đơn có chứng thực của Văn phòng kinh tế văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- + Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Trần Văn Đ.

- + Về con chung: Giao cho chị P được trực tiếp nuôi cháu Trần Ánh D1. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- + Về tài sản chung, riêng, các vấn đề liên quan đến tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng, anh Trần Văn Đ đã có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt gửi từ Đài Loan về. Vì vậy, căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Trần Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn vì tính tình không hợp nhau, sống xa cách nhau lâu năm nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Hôn nhân giữa chị P và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị P làm đơn xin ly hôn anh Đ cũng đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử thấy việc ly hôn là thực tâm, tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật, do vậy căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị P và anh Trần Văn Đ được ly hôn.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn Đ đều xác định có 01 con chung là cháu Trần Ánh D1, sinh ngày 25/01/2013, hiện cháu D1 đang sinh sống cùng bố, mẹ anh Đ là ông Trần Văn D và bà Đỗ Thị V ở thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, cả chị P và anh Đ đều đề nghị Tòa án giải quyết cho được trực tiếp nuôi cháu D1 và không yêu cầu phía bên kia cấp dưỡng

nuôi con chung. Tòa án đã hỏi ý kiến cháu D1 thì cháu cho biết hiện cháu đang ở với ông bà nội của cháu, nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với bố. Xét anh Đ đang lao động tại Đài Loan, chị P ở Việt nam nên việc giao con chung cho chị P trực tiếp nuôi sẽ hợp lý hơn bởi hai mẹ con đều ở Việt Nam, cháu D1 còn nhỏ cần sự chăm sóc, dạy dỗ của mẹ. Anh Đ ở xa không thể trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu D1 được. Trước đây cháu ở với ông, bà nội của cháu là do sự thỏa thuận của anh Đ và chị P gửi ông, bà nuôi, nay anh, chị ly hôn thì đề nghị ông Trần Văn Đ và bà Đỗ Thị V tạo điều kiện để chị P thực hiện quyền con theo qui định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, riêng, công nợ, công sức: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Những quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Trần Văn Đ.
2. Về con chung: Chị Trần Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Ánh D1, sinh ngày 25/01/2013. Anh Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị P. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0009758 ngày 17/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc. Chị P đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.
4. Thời hạn kháng cáo bản án: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 01

tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;
- UBND xã Y, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Vĩnh Thành

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Đình Chúc

Trần Công Dung

Nguyễn Vĩnh Thành